

Khai thác tài nguyên thực vật rừng và những vấn đề đặt ra đối với phát triển bền vững ở tỉnh Lào Cai

Nguyễn Ngọc Huy^(*)

Tóm tắt: Tài nguyên thực vật rừng có vai trò quan trọng đối với cuộc sống của con người nói chung, sự phát triển kinh tế - xã hội của các vùng miền, địa phương nói riêng. Việc khai thác nguồn tài nguyên thực vật rừng có ảnh hưởng lớn đến kinh tế, xã hội và môi trường. Bài viết phân tích thực trạng quản lý, khai thác tài nguyên thực vật rừng và đóng góp đối với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai, qua đó chỉ ra một số vấn đề đối với phát triển bền vững.

Từ khóa: Tài nguyên thực vật rừng, Phát triển bền vững, Tỉnh Lào Cai

Abstract: Forest plant resources plays an important role in human life in general, in socio-economic development of localities in particular. This natural resource exploitation has great effect on local economies, societies and environment. The paper analyzes the management and exploitation of forest plant resources situation and its impacts on socio-economic development in Lao Cai province, pointing out some issues for sustainable development.

Keywords: Forest Plant Resources, Sustainable Development, Lao Cai Province

1. Đặt vấn đề

Rừng là một trong những nguồn tài nguyên quan trọng phục vụ cho cuộc sống của con người. Từ góc nhìn kinh tế, tài nguyên thực vật rừng là một loại vốn cho quá trình tăng trưởng kinh tế của địa phương. Vấn đề đặt ra là khai thác như thế nào để vừa bảo vệ tài nguyên thực vật rừng, vừa phục vụ các mục tiêu phát triển bền vững.

Lào Cai là tỉnh có điều kiện tự nhiên và tài nguyên thực vật rừng phong phú, đa dạng, thuận lợi cho phát triển lâm nghiệp. Đây cũng là nguồn tài nguyên quan trọng

đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Những năm qua, Lào Cai đã phát huy lợi thế và tiềm năng của nguồn tài nguyên này để phát triển ngành lâm nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động khai thác tài nguyên thực vật rừng của tỉnh đã và đang đặt ra các nguy cơ đối với phát triển bền vững trên cả ba khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường ở các cấp độ khác nhau.

Bài viết phân tích, đánh giá thực trạng quản lý, khai thác tài nguyên thực vật rừng tại tỉnh Lào Cai, đóng góp của khai thác tài nguyên thực vật rừng đối với phát triển kinh tế-xã hội, từ đó chỉ ra một số vấn đề đối với phát triển bền vững và gợi ý giải pháp cho thời gian tới. Các số liệu trình bày trong bài viết được chúng tôi tổng hợp từ

^(*)NCS., Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: ngochuy10a5@gmail.com

Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai các năm từ 2005 đến 2018 (ngoại trừ các số liệu có dẫn nguồn cụ thể khác).

2. Tình hình quản lý, khai thác tài nguyên thực vật rừng ở tỉnh Lào Cai

** Biến động về diện tích đất lâm nghiệp có rừng và diện tích rừng*

Những năm gần đây, quỹ đất ở tỉnh Lào Cai chưa sử dụng không còn nhiều và có xu hướng giảm xuống. Theo tính toán của chúng tôi từ số liệu của *Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai* các năm 2010 và 2018, có thể thấy trong giai đoạn này, đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp của tỉnh tăng lên cả về tuyệt đối (quy mô) lẫn tương đối (tỷ trọng).

Diện tích đất lâm nghiệp có rừng¹ trong giai đoạn 2010-2018 có xu hướng tăng lên (năm 2018 là 356,33 nghìn ha, chiếm 55,99% tổng diện tích đất tự nhiên và chiếm 72,38% tổng diện tích đất nông nghiệp; trong khi năm 2010 là 328,48 nghìn ha). Xu hướng gia tăng này thể hiện tỉnh Lào Cai đã quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường và là dấu hiệu tích cực nhằm hướng tới phát triển bền vững. Tuy vậy, tỷ lệ tăng này vẫn còn thấp so tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên để phát triển lâm nghiệp ở tỉnh.

Trong cơ cấu đất lâm nghiệp có rừng, diện tích rừng sản xuất chiếm 41,51%, rừng phòng hộ chiếm 42,66% và rừng đặc dụng chiếm 15,82%. So sánh hai thời điểm năm 2010 và 2018, cơ cấu đất lâm nghiệp có rừng đã chuyển dịch theo hướng giảm diện tích rừng phòng hộ (từ 45,08% xuống 42,66%), tăng diện tích rừng đặc dụng (từ 13,86% lên 15,82%), diện tích rừng sản xuất duy trì ở mức 45% (Cục Thống kê tỉnh Lào Cai, 2010; 2018).

¹ Diện tích đất lâm nghiệp có rừng bao gồm diện tích rừng và diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch trồng rừng.

Diện tích rừng có sự gia tăng trong giai đoạn 2010-2018. Đến năm 2018, diện tích rừng ở tỉnh Lào Cai đạt 342.107 ha, tăng so với con số 327.755 ha của năm 2010 (Cục Thống kê tỉnh Lào Cai, 2010; 2018). Mặc dù có sự gia tăng về diện tích rừng, nhưng cũng tương tự nhiều địa phương khác, tại tỉnh Lào Cai vẫn xảy ra tình trạng chặt phá rừng tự nhiên. Theo tính toán của chúng tôi từ số liệu của *Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai* các năm từ 2005-2010, diện tích rừng bị thiệt hại là 189,5 ha/năm, trong đó diện tích rừng bị cháy là 181,7 ha/năm và diện tích rừng bị chặt phá là 7,9 ha/năm. Từ năm 2010 trở lại đây, dù có giảm xuống nhưng đến năm 2018 vẫn có tới 5,45 ha diện tích rừng bị thiệt hại (Cục Thống kê tỉnh Lào Cai, 2005-2018).

Về chất lượng rừng, rừng tự nhiên có diện tích, trữ lượng lớn nhưng chủ yếu là rừng nghèo và rừng phục hồi (với các tỷ lệ lần lượt năm 2018 là 15,6% và 53,4%). Tỷ lệ cây gỗ có đường kính lớn không nhiều, trữ lượng gỗ thuộc các nhóm gỗ tạp. Rừng trồng ở đây chủ yếu được trồng cây mọc nhanh, chu kỳ kinh doanh ngắn; gỗ rừng trồng chủ yếu là gỗ nhỏ dùng cho sản xuất dăm giấy, ván nhân tạo.

** Các chủ thể tham gia quản lý, khai thác đất lâm nghiệp có rừng*

Cùng với chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần và xã hội hóa công tác phát triển rừng, trong giai đoạn vừa qua, việc khai thác đất lâm nghiệp có rừng chuyển dịch theo hướng diện tích của các tổ chức nhà nước giảm dần (nhưng vẫn chiếm tỷ trọng lớn), còn của khu vực ngoài nhà nước tăng lên, đặc biệt là hộ gia đình, cá nhân. Tỉnh Lào Cai đã đẩy mạnh thực hiện chủ trương giao đất giao rừng cho hộ gia đình. Đến năm 2018, cơ cấu sử dụng đất lâm nghiệp có rừng trên địa bàn tỉnh là: các ban quản lý rừng phòng hộ (46,1%); các

lâm trường quốc doanh, công ty lâm nghiệp (6,9%); doanh nghiệp ngoài quốc doanh (0,3%); hộ gia đình, cá nhân (17,3%); cộng đồng (0,4%); đơn vị vũ trang (0,2%); ủy ban nhân dân (28,2%); còn lại là các chủ thể khác (Cục Thống kê tỉnh Lào Cai, 2018).

Tỉnh Lào Cai đã thực hiện đổi mới, sắp xếp lại các lâm trường quốc doanh, công ty lâm nghiệp và các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng. Tuy nhiên, nhìn chung các lâm trường quốc doanh, công ty lâm nghiệp đã và đang bộc lộ một số hạn chế như hiệu quả sử dụng đất đai còn thấp, diện tích đất chưa sử dụng còn nhiều, quản lý đất đai, tài nguyên rừng còn yếu kém (To Xuan Phuc, 2013). Không ít lâm trường quốc doanh được giao sử dụng diện tích rừng với quy mô lớn nhưng ít quan tâm và thiếu năng lực sản xuất kinh doanh lâm sản ngoài gỗ.

Diện tích đất lâm nghiệp có rừng trung bình của mỗi hộ gia đình tại tỉnh rất thấp, điều này đã gây khó khăn cho các gia đình trong việc nâng cao hiệu quả kinh tế. Hơn nữa, đất rừng giao cho hộ gia đình chủ yếu là đất trống đồi núi trọc, đất bạc màu. Hộ gia đình chiếm 22,4% diện tích đất lâm nghiệp có rừng tại tỉnh, tương đương 79.817,9 ha; tính bình quân chỉ đạt 0,9 ha/hộ (Cục Thống kê tỉnh Lào Cai, 2018). Trong khi đó, tính đến năm 2018, trên địa bàn tỉnh có khoảng 92.786 hộ sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp, chiếm 79,6% tổng số hộ (Tổng cục Thống kê, 2018).

Rừng cộng đồng gắn liền với đời sống kinh tế, văn hóa, các luật tục của nhiều cộng đồng, do vậy được các cộng đồng coi trọng và bảo vệ. Mặc dù vậy, ở tỉnh Lào Cai, rừng cộng đồng chiếm tỷ lệ khá khiêm tốn. Năm 2018, rừng cộng đồng chiếm tới 0,4% tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng của tỉnh. Cộng đồng chủ yếu quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (diện tích chiếm 71%), còn rừng sản xuất chỉ chiếm diện tích nhỏ

(29%) (Cục Thống kê tỉnh Lào Cai, 2018). Các loại rừng cộng đồng được hình thành từ các nguồn: rừng và đất rừng được Nhà nước giao cho cộng đồng quản lý, sử dụng ổn định lâu dài; rừng và đất rừng do cộng đồng tự công nhận và quản lý từ lâu đời nhưng chưa được Nhà nước giao; rừng và đất rừng của các tổ chức nhà nước và giao cho cộng đồng nhận khoán bảo vệ, khoanh nuôi và trồng mới theo hợp đồng khoán rừng. Rừng cộng đồng do 3 nhóm chủ thể quản lý: cộng đồng dân cư thôn bản, dòng họ; nhóm hộ; nhóm cùng sở thích tự liên kết với nhau.

** Tỷ lệ che phủ rừng*

Với việc đẩy mạnh trồng rừng, theo các số liệu của Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai các năm 2010-2018, tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh¹ tăng từ 51,3% năm 2010 lên 54,81% năm 2018. Mặc dù diện tích đất lâm nghiệp có rừng, diện tích rừng ở Lào Cai và tỷ lệ che phủ rừng đều tăng lên nhưng tỷ lệ giữa diện tích rừng và diện tích đất lâm nghiệp có rừng có xu hướng giảm từ mức 99,78% năm 2010 xuống còn 96,01% năm 2018. Điều này phản ánh mật độ diện tích rừng² trên địa bàn tỉnh có xu hướng giảm trong giai đoạn 2010-2018. Nguyên nhân của xu hướng này là do diện tích đất lâm nghiệp có rừng tăng nhưng diện tích đất quy hoạch trồng rừng được tiến hành trồng rừng chậm hoặc chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

Xét theo từng huyện, tỷ lệ che phủ rừng không đồng đều. Năm 2016, Bắc Hà và Si Ma Cai là hai huyện có tỷ lệ che phủ rừng đạt thấp nhất, lần lượt là 33,0% và 35,4%. Trong khi tỷ lệ che phủ rừng của toàn tỉnh có xu hướng tăng, thì ở một số huyện lại có xu hướng giảm như huyện Văn Bàn giảm

¹ Tỷ lệ che phủ rừng = diện tích rừng/diện tích tự nhiên.

² Mật độ diện tích rừng = diện tích rừng/diện tích đất lâm nghiệp có rừng.

từ 64,2% năm 2010 xuống 62,9% năm 2016; huyện Bảo Yên từ mức 60,9% năm 2014 còn 56,1% năm 2016... (Bảng 1). Các huyện có tỷ lệ che phủ rừng giảm chủ yếu là do diện tích trồng mới bổ sung thấp hơn so với diện tích khai thác.

Bảng 1: Tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai (%)

Năm	2010	2014	2016
Toàn tỉnh	51,3	55,0	53,8
Thành phố Lào Cai	45,3	43,4	52,5
Thị xã Sa Pa	66,3	64,8	66,3
Huyện Bát Xát	49,0	56,5	55,5
Huyện Mường Khương	41,3	46,8	41,7
Huyện Si Ma Cai	29,2	38,3	35,4
Huyện Bắc Hà	31,2	35,9	33,0
Huyện Bảo Thắng	48,5	51,0	54,2
Huyện Bảo Yên	53,5	60,9	56,1
Huyện Văn Bàn	64,2	64,9	62,9

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ *Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai* các năm từ 2010 đến 2016.

Các huyện có tỷ lệ che phủ rừng thấp và có xu hướng giảm thường là vùng cao, địa hình chia cắt và là các huyện đầu nguồn. Điều này tiềm ẩn các nguy cơ về khả năng giữ nước vào mùa khô và chống lũ vào mùa mưa.

* *Năng suất tài nguyên* (giá trị sản xuất thu được trên 1 ha diện tích rừng)

Năng suất tài nguyên phản ánh mỗi đơn vị tài nguyên tạo ra bao nhiêu giá trị gia tăng, đây là chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế. Theo tổng hợp của chúng tôi từ *Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai* các năm từ 2010 đến 2018, giá trị sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn này đạt khoảng 750,08 tỷ đồng/năm (trong đó, khai thác gỗ và lâm sản khác đạt 556,453 tỷ đồng) và tốc độ tăng trưởng đạt bình quân 2,39%/năm. Giá trị sản xuất thu được trên 1 ha diện tích rừng năm 2015 đạt 24,12 triệu, so với mức 16,38 triệu

đồng năm 2010. Năm 2018, tỉnh có 342.107 ha rừng, giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đạt 27,19 triệu đồng/ha. Như vậy, năng suất tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai đang có sự gia tăng. Nguyên nhân của xu hướng này là do trong giai đoạn vừa qua tỉnh đã đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế rừng, nâng cao chất lượng các giống cây lâm nghiệp và đầu tư thâm canh.

Mặc dù năng suất tài nguyên của lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng nhưng vẫn còn thấp so với khu vực nông nghiệp. Năm 2018, giá trị sản xuất lâm nghiệp chỉ đạt 22 triệu đồng/ha; trong khi nông nghiệp là 51,15 triệu đồng (cao gấp 2,3 lần) (Cục Thống kê tỉnh Lào Cai, 2018).

* *Thực trạng khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ*

Các sản phẩm khai thác từ tài nguyên thực vật rừng ở Lào Cai khá đa dạng, từ gỗ đến các lâm sản ngoài gỗ (các loại cây lấy sợi: luồng, tre, trúc, mây,...; các loại cây dược liệu; cây lâm sản ngoài gỗ để lấy nhựa, tinh dầu: nhựa thông, nhựa trám quế,...; cây lâm sản ngoài gỗ làm lương thực, thực phẩm: măng tươi, mộc nhĩ; các loại lâm sản ngoài gỗ cho các mục đích khác: lá dong, lá non,...). Theo tính toán của chúng tôi từ các số liệu của *Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai* các năm từ 2010-2018, sản lượng khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn này nhìn chung là tương đối lớn, trong đó sản lượng gỗ khai thác đạt bình quân 134.392m³. Do chính sách đóng cửa rừng tự nhiên nên sản lượng khai thác ở tỉnh chủ yếu là khai thác gỗ rừng trồng, với 31,4% là gỗ nguyên liệu giấy. Trong giai đoạn này, sản lượng của các loại lâm sản ngoài gỗ hầu hết đều tăng, nhưng tốc độ tăng chậm và chủ yếu tập trung vào một số mặt hàng như quế tăng bình quân 23,28%/năm và mộc nhĩ là 21,81% năm,... Tuy nhiên,

phương thức khai thác đang đặt ra những thách thức đối với phát triển bền vững. Lâm sản ngoài gỗ có vai trò quan trọng đối với người dân miền núi, là nguồn cung cấp thức ăn cho người và gia súc, làm thuốc chữa bệnh và nguyên liệu cho các hoạt động sinh sống thiết yếu. Ở tỉnh Lào Cai, các loại lâm sản ngoài gỗ chủ yếu được khai thác từ tự nhiên. Tuy nhiên việc khai thác nguồn tài nguyên này diễn ra tràn lan, tự phát, bất kỳ ai cũng có thể tham gia khai thác do chính quyền không thể kiểm soát được việc người dân vào rừng thu hái lâm sản.

Đáng chú ý là, hình thức khai thác lâm sản ngoài gỗ của người dân thường mang tính chất tận thu, thậm chí hủy diệt. Nhiều loại như cành, lá, quả của một số loại cây, hay măng tươi, mộc nhĩ,... bị khai thác quá mức và/hoặc quá sớm so với chu kỳ sinh trưởng, ảnh hưởng tới khả năng tái sinh, phục hồi tự nhiên của các cây lâm sản. Thu hái sản vật là hoa, quả được thực hiện bằng cách đốn hạ cả cây để thu; những loài cây cảnh, cây lấy củ bị đào cả gốc rễ. Thực trạng này có nguy cơ dẫn đến các loại lâm sản ngoài gỗ cạn kiệt, suy giảm tính đa dạng học của rừng và ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân sống dựa vào rừng trong tương lai.

3. Đóng góp của khai thác tài nguyên thực vật rừng đối với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai

a) Đóng góp vào kinh tế của tỉnh

Theo số liệu chúng tôi tổng hợp từ *Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai* các năm từ 2010 đến 2018, trong khu vực nông, lâm, thủy sản, ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất. Ngành lâm nghiệp tỉnh Lào Cai có tiềm năng lớn để phát triển, song giá trị sản xuất chiếm tỷ trọng khiêm tốn trong cơ cấu của ngành nông, lâm, thủy sản và còn có xu hướng giảm: năm 2000 tỷ trọng giá trị sản xuất lâm nghiệp chiếm 21,71%, năm 2005 giảm xuống 17,5%; năm 2010 chiếm gần 14%; đến năm 2018 chỉ còn 11,6% (Cục Thống kê tỉnh Lào Cai, 2000; 2005; 2010; 2018).

Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp đóng góp không đáng kể vào giá trị sản xuất toàn ngành kinh tế của tỉnh trong giai đoạn 2010-2018, đồng thời còn có xu hướng giảm tỷ trọng từ 1,46% xuống còn 1,26%. Trong giai đoạn 2010-2018, trong nội ngành lâm nghiệp, khai thác gỗ và lâm sản khác vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, trung bình 74,8% (trong đó, khai thác gỗ chiếm trên 80%). Đáng chú ý là, tỷ trọng của giá trị sản xuất thu được từ hoạt động

Bảng 2: Cơ cấu sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai (%)

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2016	2017	2018
Tổng	100	100	100	100	100	100	100	100
Trồng và chăm sóc rừng	14,0	17,4	15,0	15,4	12,2	13,3	13,7	14,1
Khai thác gỗ và lâm sản khác	79,8	76,4	78,0	77,7	77,1	72,5	69,8	66,9
Thu nhập sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	3,1	2,8	2,6	2,5	3,2	3,3	3,4	3,4
Dịch vụ lâm nghiệp	3,1	3,4	4,4	4,4	7,5	10,9	13,1	15,6

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ *Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai* từ năm 2010 đến năm 2018.

khai thác gỗ và lâm sản khác đang có sự chuyển dịch theo hướng giảm từ mức 79,8% năm 2010 xuống 66,9% năm 2018 (Bảng 2). Thực tế đó cho thấy, để đảm bảo khai thác tài nguyên thực vật rừng bền vững và duy trì nguồn thu nhập ổn định cho người dân thì đi cùng với việc khai thác cần trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng để xây dựng các vùng nguyên liệu.

b) *Đóng góp vào cải thiện thu nhập và giảm nghèo*

Lào Cai là một trong những tỉnh nghèo nhất của cả nước (đứng thứ 6). Năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh là 34,3%, đến năm 2018 giảm còn 16,25%. Mặc dù tỉnh đã đạt được những thành tích lớn về giảm nghèo nhưng tỷ lệ nghèo ở một số huyện vẫn còn cao như Bắc Hà (35,78%), Mường Khương (34,67%) (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai, 2018).

Nhìn chung, đóng góp của khai thác tài nguyên thực vật rừng đối với giảm nghèo ở tỉnh Lào Cai còn rất hạn chế. So sánh giữa mật độ nghèo (số hộ nghèo/km²) và mật độ rừng (diện tích rừng/diện tích tự nhiên, tức tỷ lệ che phủ) cho thấy, năm 2018, ở tỉnh Lào Cai các huyện có mật độ rừng thấp hơn có xu hướng tương đương với mật độ nghèo cao hơn (Hình 1).

Thu nhập của người làm nghề rừng còn thấp và chưa ổn định, năm 2018 chỉ đạt bình quân 12 triệu đồng/ha/năm. Đa số người dân ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn chưa thực sự có thu nhập từ rừng và chưa thể sống bằng nghề rừng;

đời sống của cán bộ, công nhân làm nghề lâm nghiệp còn nhiều khó khăn.

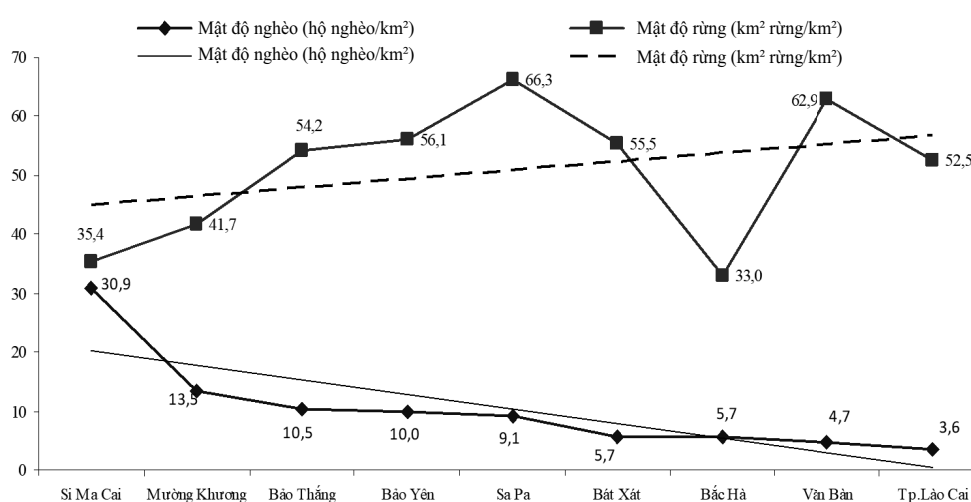
Toàn ngành lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay mới thu hút khoảng 20 nghìn lao động. Con số này cho thấy nếu tính riêng cho khai thác tài nguyên thực vật rừng thì hoạt động này cũng chưa tạo ra nhiều việc làm và do vậy đóng góp vào giảm nghèo còn hạn chế.

4. Đánh giá và kết luận

Nhìn ở khía cạnh các kết quả đạt được, có thể thấy đất rừng, diện tích rừng và tỷ lệ che phủ rừng ở tỉnh Lào Cai có xu hướng gia tăng về quy mô và tỷ trọng; chuyển dịch cơ cấu các loại rừng theo chiều hướng tích cực, tăng tỷ trọng diện tích đất lâm nghiệp có rừng và tỷ trọng rừng sản xuất.

Với các chính sách xã hội hóa công tác phát triển rừng, trong thời gian qua, trên địa bàn tỉnh, diện tích đất rừng được quản lý tới khu vực nhà nước giảm dần, trong khi đó được quản lý bởi khu vực ngoài nhà nước tăng lên, đặc biệt là hộ gia đình, cá nhân. Sự gia tăng này phản ánh sự tham gia của người dân vào công tác bảo vệ và phát triển rừng ngày càng được nâng cao. Sản lượng

Hình 1: Mật độ nghèo và mật độ rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2018



Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu *Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai* năm 2018.

gỗ khai thác có xu hướng giảm, chủ yếu là khai thác gỗ rừng trồng. Sản lượng khai thác đối với không ít loại lâm sản ngoài gỗ có xu hướng gia tăng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả trên, việc khai thác tài nguyên thực vật rừng ở tỉnh Lào Cai những năm gần đây cũng còn những hạn chế nhất định. Diện tích rừng tuy có tăng, nhưng năng suất, chất lượng rừng còn thấp, chủ yếu là sản phẩm gỗ nhỏ. Việc khai thác tài nguyên thực vật rừng cũng như chế biến và thương mại hóa sản phẩm vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém. Vẫn tồn tại việc khai thác chưa gắn với bảo vệ và phát triển bền vững, vẫn còn hiện tượng khai thác trộm rừng tự nhiên, cháy rừng, lấn chiếm rừng để phát triển kinh tế với biểu hiện ngày càng phức tạp, khó kiểm soát. Cơ cấu cây trồng rừng còn đơn điệu, năng suất rừng trồng không cao, hiệu quả sản xuất kinh doanh rừng còn thấp. Tổ chức sản xuất chưa chặt chẽ, thiếu sự gắn kết giữa khâu trồng rừng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lâm sản. Chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ chưa phát triển tương xứng với tiềm năng; các cơ sở chế biến nhỏ và vừa chưa có hệ thống thiết bị và công nghệ hiện đại; sản phẩm vẫn là nguyên liệu thô; nguồn nguyên liệu chưa ổn định. Sức cạnh tranh của các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ còn nhiều hạn chế về chất lượng, sản lượng.

Đóng góp của ngành lâm nghiệp đối với phát triển kinh tế của tỉnh còn thấp và có xu hướng giảm. Khai thác gỗ và lâm sản vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với trong ngành lâm nghiệp. Tăng trưởng của ngành lâm nghiệp có tăng nhưng chưa thực sự bền vững. Năng suất tài nguyên, giá trị gia tăng của sản phẩm còn thấp và ở nhiều nơi giá trị sản phẩm bán ra thị trường chưa đủ các chi phí cho khâu khai thác, sản xuất, vận chuyển.

Đóng góp của khai thác tài nguyên thực vật rừng đối với giảm nghèo còn hạn

chế. Thu nhập của những người trực tiếp sống dựa vào tài nguyên rừng còn thấp, thậm chí là chưa thể sống bằng nghề rừng. Phân chia lợi ích kinh tế từ việc quản lý, khai thác rừng chưa công bằng, có nguy cơ thiếu bền vững.

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó nổi lên một số nguyên nhân chính như: (i) Hệ thống chính sách liên quan đến quản lý, khai thác tài nguyên thực vật rừng còn nhiều bất cập, mâu thuẫn, chưa phù hợp với thực tiễn đa dạng ở các vùng miền, chưa thật sự tạo động lực để toàn dân tích cực và chủ động tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững; (ii) Năng lực của các chủ thể có liên quan (các cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp; người nông dân; doanh nghiệp) còn hạn chế; (iii) Khoa học - công nghệ chưa tạo được sức bật, làm chuyển biến căn bản hiệu quả kinh tế của nghề rừng; việc phát triển nguồn giống cây lâm nghiệp còn chậm, năng suất rừng thấp; hệ thống khuyến lâm còn thiếu và yếu; (iv) Cơ sở hạ tầng, nhất là ở khu vực nông thôn còn yếu và thiếu đồng bộ. Hệ thống giao thông chưa đồng bộ dẫn đến chi phí vận chuyển và dịch vụ cao, thu nhập từ sản xuất lâm nghiệp thấp...

Theo đó, trong thời gian tới, để khai thác hiệu quả tốt tài nguyên thực vật rừng ở tỉnh Lào Cai, các giải pháp cần tập trung giải quyết bao gồm: (i) Bổ sung, hoàn thiện các chính sách về đất đai (liên quan đến giao đất, giao rừng), chi trả dịch vụ môi trường rừng; (ii) Nâng cao năng lực cho các chủ thể có liên quan đến khai thác tài nguyên thực vật rừng, trong đó tập trung ưu tiên đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp thực hiện các hoạt động về bảo vệ và phát triển rừng; (iii) Tăng cường công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ về trồng, khai thác và bảo vệ tài nguyên thực

vật rừng với trọng tâm là ban hành và đẩy mạnh thực thi chính sách ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, khai thác tài nguyên thực vật rừng; (iv) Đẩy mạnh các mô hình về nông lâm kết hợp trong trồng rừng kinh tế, phát triển cây lâm sản ngoài gỗ và đầu tư, phát triển các cơ sở chế biến lâm sản; (v) Đầu tư cơ sở hạ tầng tạo điều kiện cho khai thác tài nguyên thực vật rừng phục vụ phát triển bền vững bao gồm hạ tầng phục vụ bảo vệ, phát triển rừng và hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội □

Tài liệu tham khảo

1. Cục Thống kê tỉnh Lào Cai, *Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai* các năm 2000, 2005-2018.
 2. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai (2018), *Báo cáo số 224/BC-SLĐTBXH ngày 01/08/2018 về sơ kết 3 năm (2016-2018) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*.
 3. To Xuan Phuc (2013), “Legal rights to resources veus forest access in the Vietnamese uplands”, in: Ho Tai H.T, M. Sidel (eds.), *State, Society and the Market in Comtemporary Vietnam*, Routledge, London and New York.
 4. Tổng cục Thống kê (2018), *Kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016*, <https://gso.gov.vn/default.aspx?tabid=512&idmid=5&ItemID=18964>, truy cập ngày 23/8/2020.
-
- (tiếp theo trang 44)
8. Lê Văn Kỳ (2015), *Văn hóa biển miền Trung*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 9. Nguyễn Thanh Lợi (2007), “Về tục thờ cá Ông tại Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4.
 10. Huỳnh Thiệu Phong (2016), “Vài ý kiến về nguồn gốc Tín ngưỡng thờ cá Ông”, *Nghiên cứu lịch sử Online*, <https://nghien cuculichsu.com/2016/04/04/vai-y-kien-ve-tin-nguong-tho-ca-ong/>, truy cập ngày 20/6/2020.
 11. Hà Đình Thành (2016), *Văn hóa biển và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa biển vùng duyên hải Nam Trung bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 12. Phạm Tấn Thiên (2015), “Thử so sánh tín ngưỡng thờ cúng âm hồn của cư dân ven biển Quảng Ngãi với một số vùng khác ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số 1.
 13. Nguyễn Duy Thiệu (2011), “Tín ngưỡng cá Ông - từ tập tục đến biểu trưng”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 1 (34).
 14. Đỗ Thị Minh Thúy, Nguyễn Thành Nam, Vũ Văn Đạt (2015), “Văn hóa biển đảo truyền thống vùng duyên hải Nam Trung bộ”, trong: *Kỷ yếu Hội thảo văn hóa biển đảo - Nguồn lực phát triển bền vững*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
 15. Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường (1999), *Đình Nam bộ xưa và nay*, Nxb. Đồng Nai, Đồng Nai.
 16. Lê Thế Vịnh (2015), *Phong tục thờ cúng cá Ông*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 17. Nguyễn Thị Thanh Vân (2015), “Tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na vùng Nam Trung bộ”, *Tạp chí điện tử Văn hiến Việt Nam*, <https://mientrung.vanhien.vn/tin-nguong-tho-thien-yana-vung-nam-trung-bo.html>, truy cập ngày 10/8/2020.
 18. Nguyễn Đăng Vũ (2007), “Tục thờ cúng âm hồn ở ven biển Nam Trung bộ”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 4 (21).